

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 24/04/2026

Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nghi.

2. Bà Phạm Thị Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án khu vực 4
- Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia
phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Tòa án khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2026/QĐST- HNGĐ ngày 31 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thùy L, sinh năm 1998; CCCD số 0371980021xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/12/2021.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1990; CCCD số 0370900032xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/12/2021.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Ninh Bình.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ chị Trịnh Thùy L là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Hà Văn H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 04 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh H không có trách nhiệm với gia đình vợ con, gây nhiều áp lực cho cuộc sống của chị. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hà Văn H để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung, con riêng: Chị và anh Hà Văn H có hai con chung cháu Hà Duy A, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2017, cháu Hà Ngọc Bảo T, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2020 hiện các cháu đang ở cùng với chị L. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai cháu A và T cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng chị yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng, hai cháu là 4.000.000 đồng, con riêng anh chị không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung (riêng) công nợ chung (riêng): Chị và anh H không có tài sản chung (riêng) và công nợ chung (riêng) nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 24 tháng 12 năm 2025 bị đơn trong vụ án là anh Hà Văn H trình bày: Anh và chị Trịnh Thùy L sau thời gian ngắn tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 04 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về vấn đề nuôi dạy con chung cũng như điều kiện công việc làm ăn của cả hai vợ chồng. Quá trình xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã cố gắng nhiều lần nói chuyện với nhau đề giải quyết mâu thuẫn nhưng không mang lại kết quả, cuộc sống vợ chồng ngày càng không có tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị L xin ly hôn anh nhất trí, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Trịnh Thùy L có hai con chung cháu Hà Duy A, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2017, cháu Hà Ngọc Bảo T, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2020 hiện các cháu đang ở cùng với chị L. Tại bản tự khai ngày 24 tháng 12 năm 2025 anh đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, sau anh thay đổi về vấn đề giao con sau khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu Hà Duy A, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2017 cho anh chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Hà Ngọc Bảo T, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2020 cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai bên không có nghĩa vụ cấp

dưỡng đối với con chung, con riêng anh chị không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung (riêng), công nợ chung (riêng): Anh và chị L không có nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Con chung của chị L và anh H là cháu Hà Duy A, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2017 biên bản lấy ý kiến nguyện vọng cháu Duy A muốn ở với mẹ là chị L khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành và thực hiện tương đối các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thùy L ly hôn anh Hà Văn H

- Về con chung: Giao cháu Hà Duy A, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2017 và cháu Hà Ngọc Bảo T, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2020 cho Chị Trịnh Thùy L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Hà Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung mỗi cháu là 2.000.000đ/tháng, anh H có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Trịnh Thùy L nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước, anh H nộp án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trịnh Thùy L có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Hà Văn H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Trịnh Thùy L và vắng mặt bị đơn anh Hà Văn H. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không

có lý do. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thùy L và anh Hà Văn H có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 04 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình cũ nay là xã Y, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Cả chị L và anh H đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, bản thân anh chị đã có nhiều biện pháp nhưng không khắc phục được mâu thuẫn, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên anh chị đồng ý thỏa thuận thuận tình ly hôn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có hai con chung là cháu Hà Duy A, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2017; cháu Hà Ngọc Bảo T, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2020, nay ly hôn chị L mong muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung yêu cầu anh H cấp dưỡng đối với con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/ tháng. Hai cháu là 4.000.000 đồng/ tháng, phía anh H đề nghị Tòa án giao cháu Hà Duy A cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Hà Ngọc Bảo T cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung. Thời gian sau đó anh H bỏ mặc không có mặt tại địa phương, không tham gia các buổi làm việc hoà giải tại Tòa án.

Xét điều kiện nuôi dưỡng và giao con sau khi ly hôn cho các bên đương sự nhận thấy:

Biên bản xác minh tại chính quyền sơ sở xóm T và Ủy ban nhân dân xã Y xác định: chị L và anh H có hai con chung là cháu Hà Duy A, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2017 cháu Hà Ngọc Bảo T, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2020. Thời gian chị L và anh H đi N làm ăn các cháu ở cùng ông bà ngoại là bố mẹ đẻ của chị L. Khi chị L về nước và cho đến thời điểm hiện tại các cháu đang do chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, thời gian vừa qua việc chị L nuôi dưỡng các con chung cũng đã đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu. Trong trường hợp chị L và anh H ly hôn Tòa án nên giao cả hai con cho chị L nuôi dưỡng như vậy tình cảm các cháu không bị chia cắt và không ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm của các cháu khi bố mẹ ly hôn.

Tài liệu do chị L cung cấp và biên bản xác minh tại Công ty TNHH T1 có địa chỉ tại xóm H, xã K, tỉnh Ninh Bình thể hiện chị L đang làm việc tại công ty và có mức thu nhập là 8.000.000 đồng/ tháng.

Tài liệu do chị Anh H1 cung cấp và biên bản xác minh tại Công ty TNHH xây dựng P có địa chỉ tại thôn P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình thể hiện anh H1 chỉ ký hợp đồng với công ty nhưng thực chất anh H1 không làm việc tại công ty. Công văn số 213/ XNC ngày 26 tháng 1 năm 2026 của Phòng Q công an tỉnh N xác nhận: Anh Hà Văn H, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1990; CCCD số 0370900032xx xuất cảnh hai lần và nhập cảnh một lần. Lần gần nhất anh Hà Văn H xuất cảnh vào ngày 17 tháng 1 năm 2026 để sang Nhật Bản. Hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Như vậy các tài liệu trên thể hiện anh H đang không có mặt tại địa phương, điều kiện nuôi dưỡng các con của chị L tốt hơn anh H. Các con của anh H, chị L đều còn nhỏ. Qua tham khảo nguyện vọng cháu Duy A muốn ở với mẹ, bản thân cháu Bảo T là con gái còn nhỏ nên cũng cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Các tài liệu chị L trao đổi thông tin với nhà trường qua tin nhắn zalo nơi các cháu học tập thể hiện trong thời gian qua chị L là người trực tiếp thực hiện các nghĩa vụ về tài chính đối với nhà trường cho các cháu. Nay để không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý, tình cảm của các cháu cũng như không làm thay đổi và môi trường học tập, sinh hoạt của cả hai cháu nên giao cả hai cháu Duy A và Bảo T cho Chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng đối với các con chung là 2.000.000 đồng/tháng/cháu, việc chị L yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung là để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các cháu. Do vậy nay cần buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng. Hai cháu là 4.000.000 đồng/tháng là phù hợp với các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình và đồng thời cũng phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của các bên đương sự khi ly hôn.

Con riêng anh chị không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung (riêng), công nợ chung (riêng): Chị L và anh H không có tài sản chung (riêng) và công nợ chung (riêng) nên nay ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trịnh Thùy L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Hà Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thùy L

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thùy L và anh Hà Văn H. (Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật)

2. Về con chung, con riêng: Giao cháu Hà Duy A, sinh ngày 04 tháng 11 năm 2017 và cháu Hà Ngọc Bảo T, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2020 cho chị Trịnh Thùy L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Hà Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con chung là 2.000.000đ/tháng/cháu. Hai cháu là 4.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống, anh H có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày **chị Trịnh Thùy L** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu **anh Hà Văn H** không thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo thỏa thuận thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự.

Con riêng không có không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

3. Về tài sản chung (riêng), công nợ chung (riêng): Chị L và anh H không có tài sản chung (riêng) và công nợ chung (riêng) nên nay ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thùy L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003024 ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh Hà Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình.
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình.
- UBND xã Y, Tỉnh Ninh Bình
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh